

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-ST

Ngày: 15 - 08 - 2024

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự,
đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Khánh Phượng

- Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 8 và ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024; Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 66/TB-TA ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ: Số I đường V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tuấn D, chức vụ: Giám đốc. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lương Sỹ H – Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q. Vắng mặt

Địa chỉ: Số A đường B, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Từ Đình T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị Hồng T1, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: Xóm F, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ ông Ngô Tuấn D trình bày:

Công ty TNHH Đ (Công ty Đ) do ông làm giám đốc hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực vận tải. Tháng 8 năm 2021, ông D mua lại chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B 007.08 của Công ty TNHH Một thành viên P và đăng ký đứng tên Công ty TNHH Đ để hoạt động kinh doanh vận tải.

Xuất phát từ chỗ quen biết với ông Từ Đình T là lái xe cho công ty P Đạt trước đây, có một lượng khách ổn định nên ông D có thỏa thuận với Công ty nếu có khách nhu cầu thuê xe thì ông T lấy xe của công ty chở khách đi, Công ty sẽ tính tiền tài xế chạy một ngày trong tỉnh là 300.000đồng, ngoài tỉnh là 500.000đồng. Thời gian đầu, ông T có khách thường xuyên nên Công ty có giao xe cho ông T chạy hợp đồng với khách.

Khoảng đầu năm 2022, sau khi chạy một thời gian thì ông có đặt vấn đề với ông T góp vốn vào chiếc xe Ford Transit để làm ăn lâu dài, chia lợi nhuận. Ông T đồng ý và hai bên tiến hành ký Hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV không đề ngày tháng năm; Ông là người đưa ra giá trị chiếc xe Ford Transit tại thời điểm thỏa thuận có giá trị 200.000.000đồng và ông T phải có nghĩa vụ góp vào số tiền 100.000.000đồng; lợi nhuận hai bên chia đôi theo tháng hoặc theo quý tùy thỏa thuận. Hai bên đọc và ký vào hợp đồng góp vốn có đóng dấu của Công ty Đ; Tuy nhiên ông T chưa góp số tiền 100.000.000đồng cho công ty Đ. Xuất phát từ chỗ anh em quen biết, tin tưởng nhau nên Công ty Đ cũng không đòi ông T góp tiền mà để ông T chạy xe, chia lợi nhuận rồi góp vào sau. Do đó, Hợp đồng góp vốn để trống ngày ký, chờ khi nào ông T góp tiền vào thì hai bên mới đi công chứng, chứng thực hợp đồng.

Ngày 19/5/2022, ông T nhận xe chở khách đi Đà Nẵng 4 ngày nhưng sau khi chở khách xong, ông T chiếm giữ xe không trả cho Công ty từ đó đến nay.

Nay Công ty yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV giữa hai bên vì các lý do: Hợp đồng góp vốn không thực hiện trên thực tế, ông Từ Đình T chưa góp vốn vào chiếc xe của công ty Đ, Hợp đồng không đề ngày tháng năm nên đã vi phạm về hình thức. Nội dung hợp đồng không quy định thời gian, thời hạn góp vốn vào Công ty như thế nào nên dẫn đến việc một bên không nộp tiền vào công ty như thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nội dung chi tiết của hợp đồng.

Yêu cầu Tòa án buộc ông Từ Đình T phải trả lại chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B 007.08 cho Công ty Đ. Đồng thời yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Từ Đình T phải bồi thường thiệt hại mất thu nhập của chiếc xe trong thời gian ông T

chiếm giữ. Cụ thể mỗi tháng sau khi trừ đi các chi phí như: Tài xế, nhiên liệu, phí cầu đường, thu nhập bình quân chiếc xe 1 tháng là 8.748.000đ và yêu cầu bồi thường từ tháng 5/2022 đến khi tòa án xét xử sơ thẩm.

Đối với việc ông Từ Đình T cho rằng đã góp số tiền 100.000.000đồng chuyển khoản cho bà Phạm Thị Hồng T1 (vợ của ông) thì ông có ý kiến như sau: Vợ ông bà Phạm Thị Hồng T1 có nhận chuyển khoản của ông Từ Đình T các khoản tiền như sau:

Ngày 17/01/2022, bà T1 có nhận chuyển khoản từ số tài khoản của ông T số tiền 60.000.000đ. Đây là số tiền ông T mượn bà T1 trước đó, bà T1 cho ông T mượn bằng tiền mặt và ngày 17/01/2022, ông T chuyển khoản trả nợ chứ không phải là số tiền ông T góp vào chiếc xe.

Ngày 21/01/2022, bà T1 có nhận chuyển khoản từ số tài khoản của ông T số tiền 30.220.000đ. Đây là số tiền ông T mượn bà T1 trước đó, bà T1 cho ông T mượn bằng tiền mặt số tiền 30.500.000đ và ngày 21/01/2022, ông T chuyển khoản trả nợ chứ không phải là số tiền ông T góp chiếc xe.

Ngày 22/01/2022, bà T1 có nhận chuyển khoản từ số tài khoản của ông T số tiền 1.675.000đ. Đây là số tiền ông T chuyển trả tiền xe chạy khách chứ không phải là số tiền ông T góp chiếc xe.

Số tiền trên là giao dịch vay mượn tiền mặt và chuyển khoản trả giữa hai người trên tình cảm cá nhân với nhau chứ không liên quan gì đến công ty. Tài khoản của Công ty và sổ sách chứng từ kế toán không nhận bất kỳ một khoản tiền nào của ông T. Việc ông T mượn tiền bà T1 hai bên chỉ nói miệng, khi mượn không có viết giấy tờ gì vì hai bên tin tưởng nhau do ông T và Công ty đang làm ăn với nhau. Ông và bà T1 trình bày chứ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền ông T chuyển khoản cho bà T1 là số tiền ông T vay nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty Đ ông Ngô Tuấn D xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Từ Đình T phải bồi thường thiệt hại mất thu nhập của chiếc xe trong thời gian ông T chiếm giữ từ tháng 5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm mỗi tháng là 8.748.000đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Từ Đình T trình bày:

Giữa ông và ông Ngô Tuấn D – Giám đốc Công ty TNHH Đ (Công ty Đ) có quan hệ quen biết do trước đây cùng là tài xế chạy xe cho Công ty TNHH Một thành viên P ở đường H, thành phố Q. Năm 2021 bị dịch Covid 19, Công ty P làm ăn không hiệu quả nên chuyển nhượng lại chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B - 007.08 cho ông Ngô Tuấn D.

Do ông là lái xe lâu năm, có một lượng khách ổn định nên ông D giám đốc Công ty Đ có rủ ông góp vốn vào chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B 007.08 cùng nhau làm ăn. Đầu năm 2022 ông và Công ty T2 ông D làm giám đốc cùng nhau thỏa thuận góp vốn và ký hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV. Tại thời điểm ký

hợp đồng, ông và ông D thỏa thuận giá trị chiếc xe là 200.000.000đồng, ông góp 100.000.000đồng và đã đưa đủ tiền góp cho ông D (cụ thể là đưa tiền mặt và chuyển khoản cho vợ ông D là bà Phạm Thị Hồng T1). Hai bên thỏa thuận khi có khách thì nếu ai rảnh thì tài xế chạy, lợi nhuận chia đôi, ai chạy xe thì tính thêm tiền tài xế cho người đó.

Khi mua xe và góp vốn làm ăn, hai người có sửa chữa, tu bổ lại xe cả hai người đều bỏ tiền ra để sửa chữa. Do điều kiện nhà ông đất rộng nên hai người thống nhất làm một trại để xe và cất xe ở nhà ông, có khách thì đến lấy xe đi. Quá trình hợp tác làm ăn giữa hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông D thường xuyên lấy xe chung đi việc cá nhân, xe bị va chạm, trầy xước nhưng không báo cho ông cũng không sửa chữa; lấy xe đi việc riêng nhưng không cho ông biết, không đổ xăng. Ngày 19/5/2022, ông nhận chở khách đi Đà Nẵng 4 ngày nhưng mới đến ngày thứ hai thì ông D điện thoại bảo mang xe về gấp để ông D đi công việc riêng trong khi hợp đồng chở khách đi 4 ngày. Ông thấy rằng chiếc xe là của chung nhưng ông D độc đoán xem như chiếc xe của riêng ông D và xem ông như người làm thuê cho ông D. Do đó, sau khi chở khách Đà Nẵng về ông để xe tại gara xe nhà của ông. Ông D yêu cầu ông trả lại xe nhưng ông yêu cầu ông D phải giải quyết thanh toán lại tiền ½ chiếc xe cho ông nhưng ông D không đồng ý và cho rằng ông chưa góp tiền vào chiếc xe.

Tại thời điểm hai bên thỏa thuận định giá xe góp vốn hợp tác làm ăn là thời điểm Covid 19, dịch vụ chạy xe làm ăn ế ẩm, nên hai bên thỏa thuận chiếc xe trên trị giá 200.000.000đồng, ông đã góp 100.000.000đồng cho ông D. Cụ thể ông đã chuyển khoản từ số tài khoản V của ông sang cho vợ ông D bà Phạm Thị Hồng T1 (đồng thời là kế toán công ty) ngày 17/01/2022 số tiền 60.000.000đồng, chuyển ngày 21/01/2022 số tiền 30.220.000đồng và ngày 22/01/2022 chuyển số tiền 1.675.000đồng, tổng cộng 91.895.000đồng (có bản sao kê ngân hàng kèm theo); còn lại quá trình chạy xe, ông đưa tiền mặt cho ông D 8.105.000đồng. Sau khi chuyển tiền xong thì hai bên mới ký vào hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV.

Như vậy, chiếc xe chiếc xe Ford Transit là tài sản chung giữa ông và ông D giám đốc Công ty Đ; Nay ông D khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn thì ông có ý kiến như sau: Ông đồng ý hủy hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV giữa ông và Công ty Đ và giải quyết hậu quả hợp đồng; Căn cứ vào Điều 4 Hợp đồng góp vốn yêu cầu Tòa án định giá chiếc xe chiếc xe Ford Transit theo giá trị hiện nay và buộc ông D phải hoàn trả lại ½ giá trị chiếc xe cho ông, ông sẽ giao lại xe cho ông D hoặc ông sẽ nhận chiếc xe chiếc xe Ford Transit và hoàn lại ½ giá trị cho ông D (Trường hợp chiếc xe định giá lại thấp hơn giá trị 200.000.000đồng thì hai bên cùng chịu lỗ mà trên 200.000.000đồng thì hai bên cũng chia đều).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng T1 trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của ông Ngô Tuấn D. Bà thừa nhận ngày 17/01/2022, bà có nhận chuyển khoản từ số tài khoản của ông T số tiền

60.000.000đồng và ngày 21/01/2022, có nhận chuyển khoản từ số tài khoản của ông T số tiền 30.220.000đ. Đây là số tiền ông T mượn của bà trước đó, bà cho ông T mượn bằng tiền mặt và ông T chuyển khoản trả nợ chứ không phải là số tiền ông T góp vào chiếc xe.

Ngày 22/01/2022, bà có nhận chuyển khoản của ông T số tiền 1.675.000đồng và đây là số tiền ông T chuyển trả tiền xe chạy khách chứ không phải là số tiền ông T góp chiếc xe.

Việc bà cho ông T mượn tiền không có giấy tờ gì, vì tin tưởng nhau nên bà cho mượn bằng tiền mặt và ông T chuyển khoản trả cho bà; bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là số tiền bà cho ông T mượn nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và không có luận cứ bảo vệ cho nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng hợp tác, đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ: Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn về việc hủy hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV năm 2022 giữa Công ty TNHH Đ và ông Từ Đình T. Buộc ông Từ Đình T phải trả lại chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B - 007.08 cho Công ty Đ. Giao chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B - 007.08 cho Công ty Đ và buộc Công ty Đ phải hoàn trả lại ½ giá trị chiếc xe cho ông Từ Đình T với số tiền 145.50.000.000đồng. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại mất thu nhập của chiếc xe do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thông báo thụ lý số 103/TB-TLVA ngày 08/5/2023 xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp vốn, đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại” là chưa chính xác; Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự, đòi lại tài sản và yêu cầu bồi

thường thiệt hại”. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xã T, thành phố Q nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Từ Đình T phải bồi thường thiệt hại mất thu nhập của chiếc xe Ford Transit trong thời gian ông T chiếm giữ từ tháng 5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền mỗi tháng là 8.748.000đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Các đương sự đều thừa nhận vào đầu năm 2022 giữa Công ty TNHH Đ (Công ty Đ) do ông Ngô Tuấn D là giám đốc và ông Từ Đình T có ký kết Hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV không đề ngày tháng với nội dung: Ông Từ Đình T góp vốn 50% với số tiền 100.000.000đồng vào chiếc xe Ford Transit Biên kiểm soát 76B-007.08 do Công ty Đ là chủ sở hữu đang hoạt động kinh doanh vận tải để cùng nhau kinh doanh, lợi nhuận chia đôi. Hợp đồng do hai bên ký kết có đóng dấu của Công ty Đ.

[4] Nguyên đơn cho rằng thực tế ông Từ Đình T chưa góp vốn, nộp số tiền 100.000.000đồng vào cho Công ty Đ, việc các bên ký kết hợp đồng nêu trên để tạo niềm tin cho ông T làm chung với Công ty khi nào có tiền thì nộp vào sau. Quá trình hợp tác làm ăn chung với nhau hai bên xảy ra mâu thuẫn, ông T tự ý giữ chiếc xe Ford Transit nên nguyên đơn yêu cầu ông T trả lại xe và hủy hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV giữa hai bên. Ngược lại, bị đơn cho rằng đã góp vốn vào công ty Đ với số tiền 100.000.000đồng đồng nên hai bên mới ký kết hợp đồng góp vốn. Cụ thể đã chuyển khoản vào số tài khoản của vợ ông D là bà Phạm Thị Hồng T1 (kế toán Công ty) ba lần với tổng số tiền 91.895.000đ, còn lại 8.105.000đồng quá trình chạy xe ông đã tính toán và đưa tiền mặt cho ông D.

[5] Xét lời khai của các bên thấy rằng: Ông D và bà T1 khai số tiền ông T chuyển khoản cho bà T1 là do ông T mượn tiền mặt của bà T1 hai lần: Một lần 60.000.000đồng và một lần 30.500.000đồng và ông T chuyển khoản là trả nợ cho bà T1. Về chứng cứ, bà T1 không có chứng cứ chứng minh việc cho ông T mượn tiền, không có giấy tờ, sổ sách chứng minh ông T mượn nợ bà T1.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông T xuất trình 01 USB có chứa file ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa ông D và ông T sau khi các bên xảy ra mâu thuẫn trong việc hợp tác kinh doanh chung. Trong cuộc điện thoại có nội dung ông D nói với ông T: *“Tiền của mày, anh trả được chưa”, “100 triệu bạc đó thôi không đủ xe đâu”, “Bây giờ anh đưa mày 100 triệu của mày, phần của mày xong”*. Cuộc nói chuyện thể hiện ông T đang giữ xe Ford Transit để tại nhà riêng, ông D muốn lấy xe đi công việc nhưng ông T yêu cầu giải quyết số tiền đã góp vào chiếc xe thì mới đồng ý trả. Ông D có nói sẽ đưa cho ông T số tiền 100 triệu đồng là phần ông D đã góp vào chiếc xe. Hội đồng xét xử đã công khai chứng cứ nêu trên tại phiên tòa, ông

D thừa nhận giọng nói trong cuộc nói chuyện ghi âm là của ông nhưng ông không nhớ là nói lúc nào và nhất quyết khẳng định ông T chưa góp vốn vào chiếc xe Ford Transit.

[7] Ông D cho rằng ông T chưa góp số tiền 100.000.000đồng vào công ty nhưng sau khi ký hợp đồng, Công ty vẫn tính lợi nhuận thu nhập của chiếc xe và chia ½ lợi nhuận cho ông T là mâu thuẫn. Số tiền ông T chuyển khoản vào tài khoản của bà T1 vợ ông T (đồng thời là kế toán công ty) tổng số tiền 91.895.000đồng, ông T, bà T1 không chứng minh được số tiền này do ông T mượn nợ như đã trình bày. Đồng thời, thời gian ông T chuyển tiền cho bà T1 ngày 17/01/2022 và ngày 21/01/2022 nhằm các ngày 15, 19 tháng chạp năm 2021 âm lịch (trước tết nguyên đán). Ông T trình bày sau khi ông góp tiền vào chiếc xe thì hai bên mới ký hợp đồng góp vốn đầu năm 2022 là phù hợp về mặt thời gian, phù hợp với nội dung tại Điều 1 hợp đồng góp vốn: “Bên A góp vốn **bằng tiền mặt** 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) với tỷ lệ 50% giá trị của chiếc xe nêu trên”. Hơn nữa tại đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa hai bên, ông D cũng thừa nhận phần của ông T 100.000.000đồng như đã trích dẫn trên.

[8] Từ những tình tiết, chứng cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định việc hai bên hợp tác góp vốn, ký hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV và ông T đã góp vốn số tiền 100.000.000 đồng cho Công ty Đ là có thật. Tuy nhiên, chiếc xe Ford Transit là tài sản thuộc sở hữu của Công ty Đ, việc ông T chiếm giữ là trái với quy định của pháp luật. Ông T phải có trách nhiệm trả lại xe cho Công ty Đ.

[9] Xét hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV giữa Công ty Đ và ông Từ Đình T thì thấy rằng: Hợp đồng góp vốn được hai bên ký kết một cách hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ các điều kiện quy định của giao dịch dân sự có hiệu lực quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự về chủ thể, ý chí, nội dung, mục đích và hình thức của hợp đồng nên có hiệu lực pháp luật theo Điều 401 Bộ luật dân sự nên phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng này không đề ngày tháng là vi phạm về hình thức hợp đồng là không có cơ sở vì hình thức hợp đồng hợp tác không phải là điều kiện bắt buộc có hiệu lực trong giao dịch dân sự. Do đó, chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B - 007.08 có 50% giá trị vốn góp của ông Từ Đình T.

[10] Bị đơn ông Từ Đình T đồng ý hủy hợp đồng góp vốn nêu trên và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả tranh chấp hợp đồng. Theo đó ông T yêu cầu bên nào nhận xe thì có nghĩa vụ hoàn trả lại ½ giá trị chiếc xe cho người còn lại là có cơ sở, phù hợp với nội dung tại Điều 4 của hợp đồng hai bên đã ký kết: “*Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên cảm thấy không còn hợp tác được, thì cùng nhau định giá lại chiếc xe theo giá trị hiện tại. Bên nào nhận xe thì hoàn lại 50% giá trị tiền thanh lý chiếc xe đó cho bên kia, ngay tại thời điểm ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng này. Trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Xét thấy chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B - 007.08 đứng

tên sở hữu của Công ty Đ nên giao chiếc xe cho công ty Đ sở hữu, sử dụng và Công ty Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả lại ½ giá trị xe cho ông Từ Đình T là phù hợp.

Theo chứng thư thẩm định giá, giá trị chiếc xe Ford Transit Biển kiểm soát 76B - 007.08 là 290.100.000đồng; nên Công ty Đ có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 145.050.000đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 512 Bộ luật dân sự

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đồng, chi phí thẩm định giá 7.700.000đồng, tổng cộng 9.700.000đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu ½ chi phí tố tụng với số tiền 4.850.000đồng.

[12] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 150.000đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng và 7.252.500đồng $[(290.100.000đồng \times 5\%) : 2]$ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[13] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39, 147, 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều: 117, 119, 164, 166, 401, 504, 507, 512 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Đ:

1. Buộc ông Từ Đình T phải trả chiếc xe nhãn hiệu FORD, số loại TRANSIT; Biển kiểm soát 76B-007.08; Số máy: F3P09685DURATORQ4D243H, số khung: RL3MLTGMCFER36271; Màu sơn: Bạc; Số chỗ ngồi: 16 cho Công ty TNHH Đ.

2. Hủy hợp đồng góp vốn số 01/2022/HĐGV năm 2022 giữa Công ty TNHH Đ và ông Từ Đình T.

Giao chiếc xe nhãn hiệu FORD, số loại TRANSIT; Biển kiểm soát 76B-007.08; Số máy: F3P09685DURATORQ4D243H, số khung: RL3MLTGMCFER36271; Màu sơn: Bạc; Số chỗ ngồi: 16 cho Công ty TNHH Đ được trọn quyền sở hữu, sử dụng. Buộc Công ty TNHH Đ phải hoàn trả cho ông Từ Đình T số tiền 145.050.000đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH Đ về việc yêu cầu ông Từ Đình T phải bồi thường thiệt hại mất thu nhập của chiếc xe nhãn hiệu Ford Transit

Biên kiểm soát 76B - 007.08 trong thời gian từ tháng 5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền mỗi tháng là 8.748.000đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đồng, chi phí thẩm định giá 7.700.000đồng, tổng cộng 9.700.000đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 4.850.000đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng và chi phí xong, do đó buộc ông Từ Đình T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 4.850.000đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về án phí:

- Bị đơn ông Từ Đình T phải chịu 7.402.500đồng (bảy triệu bốn trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH Đ phải chịu 7.402.500đồng (bảy triệu bốn trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 7.625.000đồng cho Công ty T2 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004631 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Đ số tiền 222.500đồng (hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa hoặc có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án không có lý do chính đáng có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Thương